

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán gói thầu, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ công tác chuyên môn cho khoa Ung Bướu và khoa Ngoại Tổng Hợp thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang”.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang kính mời các quý Công ty báo giá theo nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang
- Nơi nhận báo giá: **Ban mua sắm - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang.**
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Bà: Trần Thị Khánh Nhung
 - Chức vụ: Thành viên tổ giúp việc - Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.
 - Số điện thoại: 0912 978 837
 - Email: tgv.bvtq@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Báo giá phải được đóng kín, đóng dấu niêm phong.
 - Nhận trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh tới địa chỉ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Số 44, đường Lê Duẩn, Tổ dân phố Tân Hà 26, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 11 tháng 09 năm 2026 đến trước 17h00 ngày 21 tháng 09 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 21 tháng 09 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá:

STT	DANH MỤC HÀNG HÓA	MÔ TẢ ĐẶC TÍNH, KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
Khoa Ung Bướu				
1	Kìm sinh thiết phổi	Kìm sinh thiết GTEOTEK (20G x 15cm) Kìm sinh thiết GTEOTEK (18G x 15cm) Kìm sinh thiết GTEOTEK (16G x 15cm)	Bộ	200
2	Bộ dụng cụ đặt buồng tiêm truyền dưới da	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da cỡ 8F, catheter đầu đóng có van 3 chiều, vách buồng silicone có 3 nhú	Bộ	200
3	Bộ dụng cụ phẫu thuật tạo hình vú	Chi tiết theo danh mục đính kèm	Bộ	01
4	Bộ dao siêu âm lưỡng cực (Phẫu thuật nội soi tuyến giáp)	bộ dụng cụ dùng cho phẫu thuật nội soi tuyến giáp	Bộ	01
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật phổi (nội soi)	Chi tiết theo danh mục đính kèm	Bộ	01
6	Bộ dụng cụ phẫu thuật phổi (mở mổ)	Chi tiết theo danh mục đính kèm	Bộ	01
Khoa Ngoại Tổng Hợp				
7	Kìm uốn thanh nâng ngực	Sử dụng để uốn thanh nâng ngực từ giữa ra 2 bên để tạo độ cong nhỏ dần theo hình dạng và số đo của thanh mẫu đã được uốn phù hợp với dị tật thành ngực/xương ức của bệnh nhân.	Cái	01
8	Bàn uốn thanh nâng ngực	Sử dụng để uốn thanh nâng ngực từ giữa ra 2 bên để tạo độ cong nhỏ dần theo hình dạng và số đo của thanh mẫu đã được uốn phù hợp với dị tật thành ngực/xương ức của bệnh nhân.	Cái	01
9	Tay bật thanh nâng ngực	Tay bật thanh nâng ngực. Sử dụng để xoay/lật thanh nâng ngực. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	02
10	Thanh luồn các cỡ	Thanh luồn thanh nâng ngực. Cỡ nhỏ hoặc cỡ lớn. Sử dụng để xác định hướng đi, vị trí và điểm móc của vị trí phẫu thuật. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	02
11	Kẹp thanh nâng ngực	Kẹp thanh nâng ngực. Sử dụng để xác định hướng đi, vị trí và điểm móc của vị trí phẫu thuật, của thanh nâng ngực và dụng cụ phẫu thuật.	Cái	01
12	Dụng cụ rút thanh nâng ngực	Dụng cụ rút thanh nâng ngực. Sử dụng để tháo rút thanh nâng ngực.	Cái	01
13	Khuôn thanh mẫu các loại	Thanh mẫu các cỡ, có thể dễ dàng uốn được bằng tay, được sử dụng để tạo hình mẫu phù hợp với dị tật thành ngực/xương ức của bệnh nhân, là mẫu tham chiếu để uốn thanh nâng ngực.	Cái	16

STT	DANH MỤC HÀNG HÓA	MÔ TẢ ĐẶC TÍNH, KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
14	Tay vặn cố định	Tay vặn cố định. Sử dụng để cố định kẹp clip bằng đai ốc ở đầu của thanh nâng ngực.	Cái	02
15	Dụng cụ gắn cố định	Dụng cụ gắn cố định kẹp clip. Sử dụng để đưa các kẹp clip vào phần đầu các thanh nâng ngực.	Cái	02
16	Dụng cụ tạo đường hầm	Dụng cụ tạo đường hầm. Sử dụng để tạo đường hầm nhằm chỉnh sửa các phần nhô ra hoặc vênh lên của lồng ngực trong các ca phẫu thuật chỉnh hình lồng ngực và tạo điều kiện cho quy trình phẫu thuật xâm lấn tối thiểu.	Cái	01
17	Móc định vị	Móc định vị. Sử dụng để giữ kẹp clip cố định ở cả hai bên của thanh nâng ngực, điều chỉnh vị trí thanh nâng ngực. Mã: Móc định vị. Sử dụng để giữ kẹp clip cố định ở cả hai bên của thanh nâng ngực, điều chỉnh vị trí thanh nâng ngực.	Cái	02
18	Hộp đựng miếng cố định	Hộp đựng miếng cố định.	Cái	01
19	Hộp đựng dụng cụ nâng xương ức	Hộp đựng dụng cụ nâng xương ức.	Cái	01
20	Thanh nâng ngực size PB1320	Bộ thanh cố định và chỉnh hình lồng ngực	Cái	05
21	Thanh nâng ngực size PB1322	Bộ thanh cố định và chỉnh hình lồng ngực	Cái	05
22	Thanh nâng ngực size PB1324	Bộ thanh cố định và chỉnh hình lồng ngực	Cái	05
23	Thanh nâng ngực size PB1326	Bộ thanh cố định và chỉnh hình lồng ngực	Cái	05
24	Thanh nâng ngực size PB1328	Bộ thanh cố định và chỉnh hình lồng ngực	Cái	05
25	Ống kính soi HOPKINS hướng 30 độ, đường kính 5 mm, dài 24 cm.	Ống kính soi HOPKINS hướng 30 độ, đường kính 5 mm, dài 24 cm, có thể hấp tiệt trùng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy bằng thủy tinh giúp tăng trường nhìn, đầu ống có bọc sa-phia chống xước.	Cái	01
Tổng cộng: 25 Danh mục				

2. Địa điểm cung cấp tài sản, hàng hóa, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Số 44, đường Lê Duẩn, Tổ dân phố Tân Hà 26, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.
3. Thời gian dự kiến thực hiện: Quý III năm 2026.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng/thanh toán: Theo thỏa thuận giữa 2 bên và sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ các giấy tờ pháp lý liên quan.

- Tối đa 90 ngày kể từ ngày 2 bên thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có): Các đơn vị chào giá theo mặt hàng hoặc gói tùy theo năng lực của đơn vị chào giá.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT- Tổ giúp việc

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Quang Chiến

PHỤ LỤC 01: MẪU BÁO GIÁ

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho hàng hóa như sau:

1. Báo giá cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	STT hàng hóa theo thư mời báo giá	Tên hàng hóa theo thư mời báo giá	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sx/ Nước sx	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Quy cách đóng gói (nếu có)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Vui lòng điền đầy đủ thông tin theo bản mẫu.

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC

(Đính kèm thư mời số: /TMBG-BVĐK ngày 10/9/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

STT 5 : CẤU HÌNH BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT VÚ

STT	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật	Số lượng
5.1	Kẹp sàng	- Kẹp sàng, cong, 135 mm, đầu nhọn.	6
5.2	Kẹp forceps	- Kẹp forceps, cong, 245 mm, đầu bầu dục, co răng cưa	2
5.3	Cán dao	- Cán dao, 135 mm, số 4	2
5.4	Cán sao	- Cán sao, 160 mm, số 7	2
5.5	Kéo phẫu tích thẳng	- Kéo phẫu tích thẳng, 145 mm, đầu tù	2
5.6	Kéo phẫu tích cong, 180 mm, đầu tù	180 mm, đầu tù	2
5.7	Kéo phẫu tích cong	Kéo phẫu tích cong, 145 mm, đầu tù	2
5.8	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích có máu ngắn	6
5.9	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích có máu dài	4
5.10	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích không máu thẳng 180 mm	2
5.11	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích thẳng có máu dọc 150 mm	2
5.12	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích có máu thẳng 160 mm	2
5.13	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích cong, 185 mm, đầu nhỏ, tù	4
5.14	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích cong, 130 mm, đầu nhỏ, tù	6
5.15	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích đầu vuông góc, nhỏ 180 mm	2
5.16	Banh tổ chức	Banh tổ chức 200 mm, hai đầu, bộ 2 chiếc	1

STT	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật	Số lượng
5.17	Banh tổ chức	Banh tổ chức cong nhẹ, 240 mm, 2 đầu tù	1
5.18	Banh tổ chức	Banh tổ chức 125 mm, hai đầu, bộ 2 chiếc	1
5.19	Banh tổ chức	Banh tổ chức dài 1 đầu	2
5.20	Kìm kẹp	Kìm kẹp kim thẳng 150 mm	2
5.21	Kìm kẹp	Kìm kẹp kim thẳng 150 mm đầu nhỏ	2
5.22	Kẹp phẫu tích vi phẫu	Kẹp phẫu tích vi phẫu có máu thẳng 110 mm, tay cầm tròn nhẹ , hàm 0,5mm	2
5.23	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu với tay cầm cán tròn, thẳng, độ dài lưỡi kéo 10mm, dài 14,5cm	1
5.24	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu với tay cầm cán tròn, cong, độ dài lưỡi kéo 10mm, dài 14,5cm	1
5.25	Kéo vi phẫu mổ chim	Kéo vi phẫu mổ chim với tay cầm cán tròn, độ dài lưỡi 10mm, góc kéo 45°, dài 16,5cm	1
5.26	Kìm kẹp kim vi phẫu	Kìm kẹp kim vi phẫu với tay cầm cán tròn, không khóa, hàm 0,6mm, thẳng, 15cm	1
5.27	Kìm kẹp kim vi phẫu	Kìm kẹp kim vi phẫu với tay cầm cán tròn, không khóa, hàm 0,6mm, cong, 15cm	
5.28	Kẹp vi phẫu	Kẹp vi phẫu với tay cầm đối trọng, thẳng, hàm 0,4mm, dài 15cm	1
5.29	Kẹp vi phẫu	Kẹp vi phẫu với tay cầm đối trọng, cong, hàm 0,4mm, dài 15cm	1
5.30	Kẹp chỉ tying	Kẹp chỉ tying với tay cầm cán tròn, thẳng, độ rộng đầu hàm 0,4mm, dài 15cm	1
5.31	Kẹp chỉ tying	Kẹp chỉ tying với tay cầm cán tròn, cong, độ rộng đầu hàm 0,4mm, dài 15cm	1
5.32	Kẹp chỉ tying	Kẹp chỉ tying với tay cầm cán tròn, thẳng, độ rộng đầu hàm 0,8mm, dài 18cm	1

STT	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật	Số lượng
5.33	Kẹp chỉ tying	Kẹp chỉ tying với tay cầm cán tròn, cong, độ rộng đầu hàm 0,8mm, dài 18cm	1
5.34	Kẹp vi phẫu mẫu jeweler	Kẹp vi phẫu mẫu jeweler, thẳng, mũi cực nhọn, dài 11,5cm	1
5.35	Kẹp vi phẫu mẫu jeweler	Kẹp vi phẫu mẫu jeweler, góc, mũi cực nhọn, dài 11,5cm	1
5.36	Kẹp vi phẫu	Kẹp vi phẫu gấp góc, răng cưa chéo dài 17.0 cm	1
5.37	Dụng cụ đặt kẹp mạch máu không khóa	Dụng cụ đặt kẹp mạch máu không khóa, dài 14,5cm	2
5.38	Kẹp mạch máu đơn Biemer	Kẹp mạch máu đơn Biemer, độ mở hàm 4mm, độ dài hàm 6mm, áp lực bít 30-40gram	2
5.39	Kẹp mạch máu đơn Biemer	Kẹp mạch máu đơn Biemer, độ mở hàm 5mm, độ dài hàm 9mm, áp lực bít 20-25gram	2
5.40	Kẹp mạch máu đôi Biemer-Müller cho nối vi mạch máu	Kẹp mạch máu đôi Biemer-Müller cho nối vi mạch máu, độ mở hàm 5mm, độ dài hàm 9mm, áp lực bít 25-30gram	1
5.41	Kẹp mạch máu đôi biemer-müller cho nối vi mạch máu	Kẹp mạch máu đôi biemer-müller cho nối vi mạch máu, độ mở hàm 3mm, độ dài hàm 4,5mm, áp lực bít 25-30gram	1
5.42	Kẹp mạch máu đôi biemer-müller cho nối vi mạch máu	Kẹp mạch máu đôi biemer-müller cho nối vi mạch máu, độ mở hàm 5mm, độ dài hàm 9mm, áp lực bít 25-30gram	1
5.43	Móc vi phẫu Mc Indoe	Móc vi phẫu Mc Indoe, lưỡi 9mm, dài 150mm	4
5.44	Móc vi phẫu	Móc vi phẫu 135 mm	2
5.45	Dụng cụ cố định vú	Dụng cụ cố định vú, gồm bộ bánh cóc tự cố định, dài 28cm	2
5.46	Dụng cụ đánh dấu quầng vú Grossman	Dụng cụ đánh dấu quầng vú Grossman, 4 cỡ trong một ø 40mm/44mm/48mm & 52mm	1
5.47	Dụng cụ bóc tách tuyến vú, tạo khoang	Dụng cụ bóc tách tuyến vú, tạo khoang đầu tù dài 33cm	1

STT	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật	Số lượng
5.48	Dụng cụ tạo khoang thân dài	Dụng cụ tạo khoang thân dài có thể uốn cong. Dùng cho những vị trí khó với tới. Dài 21cm	1
5.49	Dụng cụ bóc tách tuyến vú, tạo khoang	Dụng cụ bóc tách tuyến vú, tạo khoang (phẫu tích ngực đường nách), đầu tam giác có lỗ	1
5.50	Kéo phẫu tích	Kéo phẫu tích đầu hình thoi, dài 24cm, thẳng, mũi tù nhẹ	1
5.51	Kéo phẫu tích	Kéo phẫu tích đầu hình thìa, dài 20.5cm, thẳng, mũi tù nhẹ	1
5.52	Kẹp giữ vật	Kẹp giữ vật, dài 14cm Hàm có 2 răng	2
5.53	Dụng cụ đo, đánh dấu quầng, núm vú	Dụng cụ đo, đánh dấu quầng, núm vú	1
5.54	Dụng cụ đánh dấu thu gọn vú hình lỗ khóa	Dụng cụ đánh dấu thu gọn vú hình lỗ khóa	1
5.55	Dụng cụ banh tạo khoang ngực	Dụng cụ banh tạo khoang ngực có ống dẫn sáng và ống hút Lưỡi có răng	1
5.56	Dụng cụ banh tạo khoang ngực	Dụng cụ banh tạo khoang ngực có ống dẫn sáng và ống hút Lưỡi cùn	1
5.57	Dụng cụ banh tạo khoang ngực	Dụng cụ banh tạo khoang ngực có ống dẫn sáng và ống hút. Đầu tròn.	1
5.58	Dây cáp quang dẫn sáng	Dây cáp quang dẫn sáng	1
5.59	Dụng cụ banh tạo khoang	Dụng cụ banh tạo khoang có chốt vít đa năng phù hợp với các loại optic phổ biến, lưỡi rộng 180x25mm	1
5.60	Dụng cụ banh tạo khoang	Dụng cụ banh tạo khoang, dùng cho đèn soi 10mm hoặc 5mm	1 1

STT	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật	Số lượng
5.61	Dao điện nội soi	Dao điện nội soi, dài 36.5cm, thẳng, mũi gấp khúc 90 độ	1
5.62	Tay cầm dao điện	Tay cầm dao điện kèm ống hút, dài 36.5cm (Chỉ phần tay cầm)	1
5.63	Kìm kẹp kim nội soi	Kìm kẹp kim nội soi, đường kính 4mm, dài 32cm, thân cách điện, hàm 4000	1
5.64	Tay cầm dao đơn cực cách điện	Tay cầm dao đơn cực cách điện	4
5.65	Ống bao ngoài có núm	Ống bao ngoài có núm, cách điện, phù hợp với các loại tay cầm, đường kính 5mm, dài 22cm	4
5.66	Kẹp Kelly phẫu tích	Kẹp Kelly phẫu tích, đường kính 5mm, dài 22cm (hệ thống 3 mảnh), Chỉ có phần nòng, ống bao ngoài và tay cầm đặt riêng	2
5.67	Kéo nội soi	Kéo nội soi, lưỡi 11mm, cong, đường kính 5mm, dài 22cm (hệ thống 3 mảnh), Chỉ có phần nòng, ống bao ngoài và tay cầm đặt riêng	2
5.68	Cáp dao điện đơn cực	Cáp dao điện đơn cực, 4mm, dài 3m	2
5.69	Canul 3 lỗ	Canul 3 lỗ, đường kính 3,0 mm, dài 30 cm	4
5.70	Canul 3 lỗ	Canul 3 lỗ, đường kính 3,0 mm, dài 20 cm	4
5.71	Canul	Canul đường kính 3,0 mm, dài 15 cm. 18 lỗ, đường kính lỗ 1,5mm	4
5.72	Adaptor	Adaptor nối tay cầm dụng cụ hút mỡ với kết nối luer-lock, chiều dài 5cm. Dung tích 50ml, 1 thùng gồm 100 chiếc	1
5.73	Xy-lanh bơm mỡ	Xy-lanh bơm mỡ, omnifix, kết nối luer-lock, dùng một lần, bb Braun Dung tích 50ml, 1 thùng gồm 100 chiếc	1
Tổng cộng: 73 Danh mục			

STT 7: BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT MỔ MỞ LÒNG NGỰC

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
7.1	cán dao mổ số 3	tổng chiều dài 125mm	1
7.2	cán dao mổ số 3l	tổng chiều dài 210mm	1
7.3	cán dao mổ số 4	tổng chiều dài 135mm	1
7.4	kéo phẫu thuật	kéo phẫu thuật, thẳng, 1 đầu nhọn, 1 đầu tù, mẫu mảnh, tổng chiều dài 145mm, lưỡi cắt bằng hợp kim crom gia cường cứng, các cạnh cắt siêu mịn giúp cắt chính xác với tổn thương mô tối thiểu	1
7.5	kéo phẫu tích mayo thẳng	kéo phẫu tích mayo, cán vàng, thẳng, dài 170mm, lưỡi cắt được gia cố bằng vonfram cacbua mật độ cao và được mài sắc đặc biệt (siêu mịn) cho phép cắt chính xác với tổn thương mô tối thiểu	1
7.6	kéo phẫu tích mayo cong	kéo phẫu tích mayo, cán vàng, cong, dài 170mm, lưỡi cắt được gia cố bằng vonfram cacbua mật độ cao và được mài sắc đặc biệt (siêu mịn) cho phép cắt chính xác với tổn thương mô tối thiểu	1
7.7	kéo phẫu tích metzenbaum cong	kéo phẫu tích metzenbaum, cán vàng, cong, dài 180mm, lưỡi cắt được gia cố bằng vonfram cacbua mật độ cao và được mài sắc đặc biệt (siêu mịn) cho phép cắt chính xác với tổn thương mô tối thiểu	1
7.8	kéo phẫu tích metzenbaum cong	kéo phẫu tích metzenbaum, cán vàng, cong, dài 230mm, lưỡi cắt được gia cố bằng vonfram cacbua mật độ cao và được mài sắc đặc biệt (siêu mịn) cho phép cắt chính xác với tổn thương mô tối thiểu	1
7.9	kéo phẫu tích nelson-metzenbaum	kéo phẫu tích nelson- metzenbaum, cán vàng, cong, dài 280mm, lưỡi cắt được gia cố bằng vonfram cacbua mật độ cao và được mài sắc đặc biệt (siêu mịn) cho phép cắt chính xác với tổn thương mô tối thiểu	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
7.10	kẹp mạch máu halsted-mosquito thẳng	kẹp mạch máu halsted-mosquito, thẳng, loại cực kỳ tinh tế, chiều rộng mũi: 1.3mm, chiều rộng hàm 2.1mm (cách đầu 5mm), chiều dài tổng thể 125mm	2
7.11	kẹp mạch máu halsted-mosquito cong	kẹp mạch máu halsted-mosquito, cong, loại cực kỳ tinh tế, chiều rộng mũi: 1.3mm, chiều rộng hàm 2.1mm (cách đầu 5mm), chiều dài tổng thể 125mm	2
7.12	kẹp mạch máu crile thẳng	kẹp mạch máu crile, thẳng, loại cực kỳ tinh tế, đầu nhọn 0.9mm, mũi rộng 1.7mm (cách đầu 5mm), chiều dài tổng thể 140mm	2
7.13	kẹp mạch máu crile cong	kẹp mạch máu crile, cong, loại cực kỳ tinh tế, đầu nhọn 0.9mm, mũi rộng 1.7mm (cách đầu 5mm), chiều dài tổng thể 140mm	2
7.14	kẹp mạch máu coller	kẹp mạch máu coller, cong, loại thuận mở rộng, cong nhẹ, hàm có răng cưa, hàm dài 40mm, tổng chiều dài 165mm	6
7.15	kẹp mạch máu sarot	kẹp mạch máu sarot, thẳng, hàm dài 70mm, có răng cưa, cỡ mũi 2.5mm, tổng chiều dài 240mm	2
7.16	kẹp mạch máu rochester-pean thẳng	kẹp mạch máu rochester-pean, thẳng, có răng cưa, hàm dài 50mm, cỡ mũi 3.1mm, tổng chiều dài 160mm	2
7.17	kẹp mạch máu rochester-pean cong	kẹp mạch máu rochester-pean, cong, có răng cưa, hàm dài 50mm, cỡ mũi 3.1mm, tổng chiều dài 160mm	6
7.18	kẹp mạch máu kocher-ochsner	kẹp mạch máu kocher-ochsner, thẳng, hàm có răng cưa, đầu có máu 1x2, hàm dài 55mm, cỡ mũi 3.1mm, tổng chiều dài 200mm	2
7.19	kẹp mạch máu kocher-ochsner	kẹp mạch máu kocher-ochsner, cong, hàm răng cưa, đầu có máu 1x2, hàm dài 55mm, cỡ mũi 3.5mm, tổng chiều dài 225mm	2
7.20	kẹp mạch máu kocher-ochsner	kẹp mạch máu kocher-ochsner, thẳng, đầu có máu 1x2, hàm răng cưa, hàm dài 40mm, cỡ mũi 3.0mm, tổng chiều dài 160mm	2

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
7.21	kep phễu tích ống mật và u nang mixter	kep phễu tích ống mật và u nang mixter, độ cong mạnh, hàm có răng cưa, hàm dài 50mm, cỡ mũi 3.0mm, tổng chiều dài 230mm	1
7.22	kep sàng backhaus	kep sàng backhaus, tổng chiều dài 90mm	6
7.23	kep khăn giấy	kep khăn giấy, tổng chiều dài 150 mm	1
7.24	kep bông băng foerster-ballenger	kep bông băng foerster-ballenger, hàm răng cưa, cong, chiều dài làm việc 85mm, độ rộng hàm 13mm, tổng chiều dài 245mm	2
7.25	kìm kẹp kim crile-wood	kìm kẹp kim crile-wood, cán vàng, hàm chèn tungsten carbide, dùng cho chỉ từ 4/0 đến 6/0, tổng chiều dài 200mm	1
7.26	kìm kẹp kim crile-wood	kìm kẹp kim crile-wood, cán vàng, hàm chèn tungsten carbide, dùng cho chỉ từ 4/0 đến 6/0, tổng chiều dài 270mm	1
7.27	kìm mang kim hegar-mayo	kìm mang kim hegar-mayo, cán vàng, hàm chèn tungsten carbide, dùng cho chỉ cỡ đến 3/0, tổng chiều dài 150mm	1
7.28	kìm mang kim hegar-mayo	kìm mang kim hegar-mayo, cán vàng, hàm chèn tungsten carbide, dùng cho chỉ cỡ đến 3/0, tổng chiều dài 180mm	1
7.29	kìm mang kim masson-luethy	kìm mang kim masson-luethy, thân gấp kiểu lưỡi lê bayonet, mặt trong của hàm kẹp có răng cưa và đánh dài hình oval xiên chéo, tổng chiều dài 255mm	1
7.30	kìm mang kim wertheim	kìm mang kim wertheim, cán vàng, hàm chèn tungsten carbide, dùng cho chỉ cỡ đến 3/0, tổng chiều dài 240mm	1
7.31	kìm mang kim hegar-mayo	kìm mang kim hegar-mayo, cán vàng, hàm chèn tungsten carbide, dùng cho chỉ cỡ đến 3/0, tổng chiều dài 205mm	1
7.32	que luồn chỉ deschamps	que luồn chỉ deschamps, dùng cho tay trái, dài 210mm, đầu có lỗ xoắn chỉ thép, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
7.33	que luồn chỉ deschamps	que luồn chỉ deschamps, dùng cho tay phải, dài 210mm, đầu có lỗ xỏ chỉ thép, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	1
7.34	kẹp phẫu tích không máu	kẹp phẫu tích không máu, kiểu trung bình, dài 145mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.35	kẹp phẫu tích không máu	kẹp phẫu tích không máu, kiểu trung bình, dài 200mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.36	kẹp mô có máu	kẹp mô có máu, 1x2, kiểu trung bình, dài 145mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.37	kẹp mô có máu	kẹp mô có máu, 1x2, kiểu trung bình, dài 200mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.38	kẹp mô adson-brown	kẹp mô adson-brown, răng hòm 2 hàng, nhọn, dài 120mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.39	kẹp không chấn thương debakey	kẹp không chấn thương debakey, lưỡi kẹp 2.8mm, dài 240mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.40	kẹp gấp mô và cơ quan denis-browne	kẹp gấp mô và cơ quan denis-browne, dài 190mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.41	kẹp mô và cơ quan williams	kẹp mô và cơ quan williams, hàm chèn tungsten carbide, dài 160mm	2
7.42	kẹp allis	kẹp allis, răng 5x6, dài 155mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.43	kẹp allis	kẹp allis, răng 5x6, mẫu mảnh, dài 190mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.44	kẹp không chấn thương babcook	kẹp không chấn thương babcook, dài 160mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
7.45	kẹp không chấn thương babcook	kẹp không chấn thương babcook, dài 215mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.46	que thăm dò	que thăm dò, dài 145mm, bề mặt được đánh bóng cao độ, vật liệu: hợp kim dẻo uốn được, đường kính 3.5mm	1
7.47	que thăm dò có lỗ	que thăm dò có lỗ, dài 145mm, đường kính 2.5mm, vật liệu: hợp kim dẻo uốn được, đầu có bầu tù, tổng chiều dài 145mm	1
7.48	ống hút cooley	ống hút cooley, đường kính ngoài 8.0 mm, phần đầu được đánh bóng mịn, có 4 lỗ quanh đầu ống hút, tổng chiều dài 360mm	1
7.49	ống hút yankauer	ống hút yankauer, với lỗ ở giữa đầu ống hút 2.0mm, đường kính đầu 10.0mm, phần ngoài đầu ống hút được đánh bóng mịn, tổng chiều dài 285mm	1
7.50	ống hút walton yankauer	ống hút walton yankauer, với van dừng và ốc vít ngắt dòng chảy trên tay cầm, đường kính ngoài 10.0mm, phần đầu ngoài ống hút được đánh bóng mịn, tổng chiều dài 320mm	1
7.51	banh vén volkmann	banh vén volkmann, 4 ngạnh, đầu tù, cỡ lưỡi 8.5 x 19 mm, tổng chiều dài 225mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.52	banh volkmann	banh volkmann, 6 ngạnh, đầu tù, cỡ lưỡi 8.5 x 29 mm, tổng chiều dài 225mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.53	banh 2 đầu us-army	banh 2 đầu us-army, bộ gồm 2 cái có độ sâu lưỡi: 23, 26mm / 43mm, 40mm, với độ rộng lưỡi: 15mm / 15 mm, chiều dài tổng thể 220mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	1
7.54	banh 2 đầu parker	banh 2 đầu parker, bộ gồm 2 cái có cỡ lưỡi 36 x 4 mm / 30 x 24 mm, 36 x 44 mm / 30 x 24 mm, dài 180mm	1
7.55	banh langenbeck	banh langenbeck, cỡ lưỡi (sâu x rộng) 40x13mm, dài 210mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
7.56	banh kelly	banh kelly, cỡ lưỡi (sâu x rộng) 50x40mm, tổng chiều dài 260mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.57	banh kelly	banh kelly, cỡ lưỡi (sâu x rộng) 70x65mm, dài 260mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.58	banh deaver	banh deaver, kiểu số 4, độ rộng lưỡi 50 mm, vật liệu: hợp kim đàn hồi cao, tổng chiều dài 305mm	1
7.59	banh ribbon	banh ribbon, vật liệu hợp kim dẻo uốn được, rộng 25mm, dài 330mm	1
7.60	ribbon intestinal	ribbon intestinal, malleable alloy, width 50 mm, total length 330 mm banh ribbon, vật liệu hợp kim dẻo uốn được, rộng 50mm, dài 330mm	1
7.61	banh harrington	banh harrington, vật liệu hợp kim có độ đàn hồi cao (17-7ph), cỡ lưỡi (sâu x rộng) 123 x 64 mm, tổng chiều dài 295mm	2
7.62	kẹp mạch máu không chấn thương debakey	kẹp mạch máu không chấn thương debakey, vật liệu hợp kim có độ đàn hồi cao (17-7ph), hàm dài 95mm, tổng chiều dài 250mm	2
7.63	kẹp mạch máu không chấn thương debakey	kẹp mạch máu không chấn thương debakey, hàm dài 95mm, độ rộng hàm gấp 48mm, gồm 2 đoạn gấp khúc, vật liệu hợp kim có độ đàn hồi cao (17-7ph), tổng chiều dài 265mm	2
7.64	kẹp mạch máu không chấn thương debakey	kẹp mạch máu không chấn thương debakey, hàm dài 41mm, vật liệu hợp kim có độ đàn hồi cao (17-7ph), tổng chiều dài 205mm	2
7.65	kẹp phổi không chấn thương lees	kẹp phổi không chấn thương lees, hàm có rãnh phi đối xứng kiểu debakey, hàm dài 95mm, vật liệu hợp kim có độ đàn hồi cao (17-7ph), hai đoạn gấp khúc, tổng chiều dài 245mm	2
7.66	kẹp phổi duval	kẹp phổi duval, hàm tam giác, độ rộng hàm 20mm, hàm phủ vonfram cacbua, tổng chiều dài 230mm	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
7.67	kẹp phổi lees	kẹp phổi lees, gấp góc 90 độ, chiều dài toàn bộ hàm 90mm, chiều dài đoạn đầu 42mm, vật liệu hợp kim có độ đàn hồi cao (17-7ph), tổng chiều dài 220mm	2
7.68	banh xương sườn finochietto	banh xương sườn finochietto, vật liệu: hợp kim nhôm, cỡ lưỡi 74x64mm, tổng kích cỡ 180 x 245 mm	1
7.69	banh xương sườn finochietto	banh xương sườn finochietto, cỡ lưỡi 28x38mm, kích cỡ tổng thể 180 x 140 mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	1
7.70	dụng cụ thu xương sườn bailey	dụng cụ thu xương sườn bailey, dùng cho trẻ em, có 3 răng nhọn ở đầu, các cạnh khác được mài mịn, độ sâu hàm 22mm, hàm rộng 15mm, độ mở rộng hàm tối đa 160mm, tổng chiều dài 200mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	2
7.71	banh davidson	banh davidson, cỡ lưỡi (sâu x rộng) 90 x 80 mm, hàm có đục lỗ, vật liệu hợp kim có độ đàn hồi cao (17-7ph), tổng chiều dài 195mm	1
7.72	kìm cắt xương liston-key	kìm cắt xương liston-key, dùng để cắt xương, thân kiểu chữ s, lưỡi cắt được gia cố vonfram cacbua, dùng cho cắt đoạn cuối xương sườn sau, hàm gấp góc, tác động kép, dài 255mm	1
7.73	dụng cụ đục xương ức	dụng cụ đục xương ức, thẳng, lưỡi cắt sắc, vật liệu lưỡi cắt bằng thép chrome gia cường độ cứng, cán cầm mạ vàng, chiều dài 25,0 cm x chiều rộng 14,4 cm x chiều sâu 2,0 cm, đầu hình chữ t, đầu xa của trục có một lưỡi dao và một tấm bảo vệ ở đầu, dụng cụ này được sử dụng để tách xương ức trong phẫu thuật lồng ngực/tim mạch, với lưỡi dao sắc 90 độ để đi vào xương ức dày và tách nó trong các thủ tục khác nhau, bao gồm lưỡi dao nặng để tạo lực lớn cắt qua các cấu trúc cứng, lưỡi dao cong đặc biệt uốn theo bề mặt xương ức để mổ xẻ hiệu quả, tay cầm thiết kế công thái học cho việc cầm nắm thoải mái, dụng cụ có kết cấu nặng để tạo lực cần thiết để phá vỡ xương, có tay cầm chắc chắn cho việc cầm nắm thoải mái, đồng thời cho phép bác sĩ phẫu thuật cũng có thể dùng búa đập vào tay cầm để đẩy đục tách xương	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
7.74	kìm cắt xương liston	kìm cắt xương liston, cong, tác động kép, dài 280mm, lưỡi cắt được gia cường bằng tungsten-carbide mật độ cao, tay cầm mạ vàng	1
7.75	kìm gặm xương stille	kìm gặm xương stille, cong sang bên, loại cực khỏe, hàm tác động kép, hàm dài 15mm, hàm rộng 6.8mm, tổng chiều dài 235mm	1
7.76	dụng cụ nạo xương sườn doyen	dụng cụ nạo xương sườn doyen, dành cho người lớn, bên trái, tổng chiều dài 175mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	1
7.77	dụng cụ nạo xương sườn doyen	dụng cụ nạo xương sườn doyen, dành cho người lớn, bên phải, tổng chiều dài 175mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	1
7.78	nạo xương alexander hai đầu	nạo xương alexander hai đầu, độ rộng 2 đầu là 12mm và 24mm, dài 210mm, hai lưỡi nạo sắc, lưỡi nạo được gia cố bằng hợp kim gia cường crom siêu cứng, đầu phủ vàng	1
7.79	kìm giữ xương dingman	kìm giữ xương dingman, dài 185mm, tổng chiều dài 185mm, vật liệu: hợp kim có độ bền cao đã nitro-cacbon hóa	1
7.80	kìm gấp cơ quan nội tạng u nang fletcher	kìm gấp cơ quan nội tạng u nang fletcher, cong, vật liệu hợp kim có độ đàn hồi cao (17-7ph), tổng chiều dài 240mm	1
Tổng cộng: 80 Danh mục			

STT 8: BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT LỒNG NGỰC NỘI SOI HỖ TRỢ

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
8.1	Dụng cụ đơn cực	Dụng cụ đơn cực, đầu cắt dạng thìa, đoạn đầu uốn cong 30°, đường kính thân Ø 5.0mm, vỏ bọc cách điện, chiều dài làm việc 330mm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nito (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.2	Cáp điện đơn cực	Cáp điện đơn cực với đầu cắm phía dụng cụ 6 cạnh phía trong, kết nối phía máy cắt đốt Erbe T-series, kiểu đầu Ø 4 mm, dùng cho Storz, Worlf, chiều dài dây 4m	3
8.3	Điện cực núm	Điện cực núm với van trumpet và ống hút - tưới bên trong, kết nối Luer lock, vỏ bọc cách điện, chiều dài làm việc 330mm, đường kính thân Ø 5.0mm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nito (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
8.4	Móc đơn cực	Móc đơn cực, phần đầu dụng cụ cong 30°, phần lưỡi cắt gấp góc hướng lên trên, đường kính thân dụng cụ Ø 4.7 mm, chiều dài làm việc 300 mm, vỏ bọc cách điện, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.5	Kẹp đông máu lưỡng cực	Kẹp đông máu lưỡng cực (NON-STICK - chống dính mô), đầu thẳng, đường kính đầu 2.0mm, bề mặt hàm có răng cưa chống trượt, đầu được phủ vàng, thân phủ cách điện, phích cắm kiểu phẳng, chiều dài 350mm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing), Lớp phủ cách điện lai hữu-vô cơ dựa trên công nghệ Polyethylene liên kết ngang (XLPE), có khả năng chống ăn mòn, độ bám dính và khả năng chịu nhiệt tốt và có thể đáp ứng các yêu cầu về hiệu suất cách điện trong phẫu thuật điện áp cao (ngăn ngừa tối đa hiện tượng đánh thủng điện áp)	1
8.6	Cáp cho dụng cụ lưỡng cực	Cáp cho dụng cụ lưỡng cực (dùng cho FDU-3A9-300T), chiều dài dây: 3m	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
8.7	Ruột Bipolar POWERLINE, kẹp đông máu lưỡng cực, hàm có đục	Ruột Bipolar POWERLINE, kẹp đông máu lưỡng cực, hàm có đục lỗ (Một phần linh kiện của KẸP ĐÔNG MÁU LƯỠNG CỰC POWERLINE) + Được sản xuất bằng Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) (độ bền uốn 2035 MPa, độ bền kéo 2000 MPa, Độ cứng vật liệu ≥ 50 HRC) với bề mặt được xử lý thấm Nitơ mềm giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.8	Vỏ Bipolar POWERLINE	Vỏ Bipolar POWERLINE, kẹp đông máu lưỡng cực, đường kính thân Ø 5.0mm, chiều dài làm việc 340mm (Một phần linh kiện của KẸP ĐÔNG MÁU LƯỠNG CỰC POWERLINE) + được sản xuất bằng Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) (độ bền uốn 2035 MPa, độ bền kéo 2000 MPa, Độ cứng vật liệu ≥ 50 HRC) với bề mặt được xử lý thấm Nitơ mềm giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.9	Tay cầm Bipolar POWERLINE	Tay cầm Bipolar POWERLINE (Một phần linh kiện của KẸP ĐÔNG MÁU LƯỠNG CỰC POWERLINE)	1
8.10	Cáp cho dụng cụ lưỡng cực	Cáp cho dụng cụ lưỡng cực (Dùng cho kẹp đông máu lưỡng cực POWERLINE), Kết nối phía thiết bị: 2 jack cắm độc	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
		lập, Chiều dài dây: 3m, Có thể tiết trùng, tái sử dụng nhiều lần	
8.11	Kẹp sinh thiết nội soi trung thất D'AMICO	Kẹp sinh thiết nội soi trung thất D'AMICO, Hàm vòng khuyên hình Oval, độ rộng hàm 6mm, tay cầm có chốt khóa, đường kính thân dụng cụ thuôn từ 5mm đến 7mm, chiều dài làm việc 23cm, tổng chiều dài 33cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nito (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.12	Kẹp sinh thiết nội soi trung thất D'AMICO	Kẹp sinh thiết nội soi trung thất D'AMICO, Hàm dạng cốc hình Oval, độ rộng hàm 7mm, tay cầm không có chốt khóa, đường kính thân dụng cụ thuôn từ 5mm đến 7mm, chiều dài làm việc 23cm, tổng chiều dài 33cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nito (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.13	Kẹp FOERSTER	Kẹp FOERSTER, cong bên phải (theo kiểu thiết kế tay cầm trái), hàm vòng khuyên hình Oval, cỡ 12mm, tay cầm có chốt khóa, đường kính thân 7mm, chiều dài làm việc 19cm, tổng chiều dài 29cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nito (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
		mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	
8.14	Kẹp gấp cơ quan FOERSTER	Kẹp gấp cơ quan FOERSTER, hàm Oval, đầu cong, đường kính thân 7mm, độ rộng hàm Oval 6mm, tay cầm có chốt khóa, tổng chiều dài 33.5cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.15	Kẹp FOERSTER	Kẹp FOERSTER, cong bên trái, hàm vòng khuyên hình Oval, cỡ 20mm, tay cầm có chốt khóa, đường kính thân thuôn dần từ 5mm đến 7mm, chiều dài làm việc 23.5cm, tổng chiều dài 33.5cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.16	Kẹp NODE	Kẹp NODE, cong bên trái, hàm thuôn rộng cỡ 11mm, tay cầm có chốt khóa, đường kính thân 5mm, chiều dài làm việc 23cm, tổng chiều dài 33cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
8.17	Kẹp HARKEN	Kẹp HARKEN, hàm thun nhỏ dần từ 7mm xuống 5mm, độ cong số #1, hàm có rãnh DEBAKEY 1x2 không chấn thương, chiều dài hàm 7.5cm, tay cầm không có chốt khóa, chiều dài làm việc 19cm, tổng chiều dài 29cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.18	Dụng cụ phẫu tích GONZALEZ-RIVAS	Dụng cụ phẫu tích GONZALEZ-RIVAS, đầu mảnh, hàm không chấn thương, kiểu răng DEBAKEY với rãnh 1x2, có chốt khóa, thân dụng cụ 5mm, chiều dài làm việc 19cm, tổng chiều dài 29cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.19	Kẹp HARKEN	Kẹp HARKEN, hàm thun nhỏ dần từ 7mm xuống 5mm, độ cong số #2, hàm có rãnh DEBAKEY 1x2 không chấn thương, chiều dài hàm 7.5cm, tay cầm có chốt khóa, chiều dài làm việc 19cm, tổng chiều dài 29cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
8.20	Kẹp không chấn thương CHITWOOD	Kẹp không chấn thương CHITWOOD, hàm dài 6cm, cong bên trái, rãnh hàm không chấn thương kiểu Debakey, rãnh 1x2 hàng, đường kính thân 5mm, tay cầm có chốt khóa, chiều dài làm việc 21cm, tổng chiều dài dụng cụ 31cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.21	Kẹp không chấn thương COOLEY	Kẹp không chấn thương COOLEY, hàm có một đoạn gấp góc đoạn cuối 90° (gấp bên phải), tay cầm không có chốt khóa, đường kính thân 10mm, chiều dài làm việc 24cm, tổng chiều dài 34cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.22	Dụng cụ phẫu tích GONZALEZ-RIVAS	Dụng cụ phẫu tích GONZALEZ-RIVAS, đầu mảnh, hàm không chấn thương, kiểu răng DEBAKEY với rãnh 1x2, không có chốt khóa, thân dụng cụ 5mm, chiều dài làm việc 19cm, tổng chiều dài 29cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
8.23	Dụng cụ phẫu tích DENNIS	Dụng cụ phẫu tích DENNIS, hàm cong trái, hàm có răng cưa, tay cầm không có chốt khóa, đường kính thân 7mm, chiều dài làm việc 23cm, tổng chiều dài 33.5cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.24	Kìm kẹp kim tay cầm vòng khuyên	Kìm kẹp kim tay cầm vòng khuyên, phần đầu hàm cong, bề mặt hàm kẹp phủ Tungsten-Carbide, cán phủ vàng, tay cầm có chốt khóa, dùng cho chỉ 4-0 hoặc nhỏ hơn, đường kính thân 7mm, chiều dài làm việc 20cm, tổng chiều dài 28.5cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.25	Kìm kẹp kim tay cầm vòng khuyên	Kìm kẹp kim tay cầm vòng khuyên, phần đầu hàm thẳng, bề mặt hàm kẹp phủ Tungsten-Carbide, cán phủ vàng, tay cầm có chốt khóa, dùng cho chỉ 4-0 hoặc nhỏ hơn, đường kính thân 7mm, chiều dài làm việc 21.5cm, tổng chiều dài 34cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
		khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	
8.26	Kéo siêu cắt	Kéo siêu cắt, tay cầm phủ muối bạch kim (màu đen), lưỡi cắt phẫu tích kiểu Chitwood, lưỡi cắt cong, đầu lưỡi tù, chiều dài lưỡi 3.5cm, đường kính thân 5mm, chiều dài làm việc 18.5cm, tổng chiều dài 29cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nito (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
8.27	Ống hút DENNIS	Ống hút DENNIS, cong, đầu tù, tay cầm kiểu YANKAUER, đường kính đầu 7.5mm, lưu lượng hút cố định, đường kính thân 5mm, chiều dài làm việc 22cm, tổng chiều dài 36cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nito (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG
8.28	Ống hút WOLF	Ống hút WOLF, cong, đầu tù, tay cầm YANKAUER, đường kính đầu hút 6mm, lưu lượng hút cố định, đường kính thân 3.2mm, chiều dài làm việc 22cm, tổng chiều dài 36cm, Vật liệu: Thép hợp kim cường độ cao (TIRAMORR 3000) đã trải qua xử lý thấm Nitơ (nitrocarburizing) giúp cho bề mặt trơn nhẵn, chống dính mô, giảm ma sát cho các khớp chuyển động và chống ăn mòn trong môi trường sử dụng khắc nghiệt	1
Tổng cộng: 28 Danh mục			